## [Bài đọc] Sự kiện

jQuery hoàn toàn thích hợp để đáp ứng với các sự kiện trong một trang HTML.

#### **Sự kiện là gì?**

Tất cả các hành động khác nhau của người dùng (visitor) mà trang web có thể đáp ứng (respond) được gọi là các sự kiện. Một sự kiện đại diên cho chính thời điểm khi một cái gì đó xảy ra.

Ví dụ:

* di chuyển chuột qua một phần tử
* lựa chọn một nút radio
* nhấn (nháy đơn) vào một phần tử

Thuật ngữ "fires/fired" thường được sử dụng với các sự kiện. Ví dụ: "Sự kiện nhấn phím xảy ra (fired), thời điểm bạn nhấn một phím".

Dưới đây là một số sự kiện DOM phổ biến:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự kiện chuột | Sự kiện bàn phím | Sự kiện form | Sự kiện Cửa sổ/Tài liệu |
| click | keypress | submit | load |
| dblclick | keydown | change - thay đổi | resize |
| mouseenter | keyup | focus | scroll |
| mouseleave |  | blur | unload |

#### **Cú pháp cho Phương thức sự kiện**

Trong jQuery, hầu hết các sự kiện DOM đều có một phương thức tương ứng. Để gán sự kiện nhấp chuột vào tất cả các đoạn văn trên một trang, bạn có thể làm như sau:

$("p").click();

Bước tiếp theo là định nghĩa những gì sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện. Bạn phải viết một hàm cho sự kiện:

$("p").click(function() {

*// các hành động triển khai ở đây!!*

});

#### **Những phương thức sự kiện phổ biến trong jQuery**

#### **$(document).ready()**

Phương thức $(document).ready() cho phép chúng ta thực thi một hàm khi tài liệu được tải xong.

#### **click()**

Phương thức click() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML. Hàm này được thực thi khi người dùng nhấn vào phần tử HTML.

Ví dụ dưới đây nói rằng: Khi một sự kiện click xảy với phần tử <p> nào đó; phần tử <p> đó sẽ ẩn đi:

Ví dụ

$("p").click(function() {  
 $(this).hide();   
});

#### **dblclick()**

Phương thức dblclick() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML. Hàm này được thực thi khi người dùng nhấp đúp vào một phần tử HTML:

Ví dụ

$("p").dblclick(function() {  
 $(this).hide();   
});

#### **mouseenter()**

Phương thức mouseenter() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML. Hàm này được thực thi khi con trỏ được đưa vào phần tử HTML:

Ví dụ

$("#p1").mouseenter(function() {

alert("Bạn đã đưa con trỏ vào p1!");

});

#### **mouseleave()**

Phương thức mouseleave() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML.

Hàm này được thực thi khi con trỏ được đưa ra khỏi phần tử HTML:

#### **Ví dụ**

$("#p1").mouseleave(function() {

alert("Tạm biệt! Bạn đã rời khỏi p1!");

});

#### **mousedown()**

Phương thức mousedown() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML.

Hàm được thực thi khi phím bên trái, giữa hoặc bên phải của chuột được bấm, trong khi chuột di chuyển qua phần tử HTML:

Ví dụ

$("#p1").mousedown(function() {

alert("Bấm chuột lên p1!");

});

#### **mouseup()**

Phương thức mouseup() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử HTML.

Hàm được thực thi khi nút bên trái, nút giữa hoặc nút bên phải chuột được nhả ra, trong khi chuột di chuyển qua phần tử HTML:

Ví dụ

$("#p1").mouseup(function() {

alert("Chuột được thả ra trên p1!");

});

#### **hover()**

Phương thức hover() thực thi hai hàm và là sự kết hợp giữa 2 phương thức mouseenter() và mouseleave(). Hàm đầu tiên được thực thi khi chuột di chuyển vào bên trong phần tử HTML, và hàm thứ hai được thực thi khi chuột di chuyển ra khỏi phần tử HTML:

Ví dụ

$("#p1").hover(function(){  
     alert("Bạn đã di chuyển vào p1!");  
},  
function(){  
     alert("Tạm biệt! Bạn vừa rời khỏi p1!");  
});

#### **focus()**

Phương thức focus() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử trong form HTML. Hàm được thực thi khi phần tử trong form được chọn:

Ví dụ

$("input").focus(function(){  
     $(this).css("background-color", "#cccccc");  
});

#### **blur()**

Phương thức blur() gắn một hàm xử lý sự kiện cho một phần tử trong form HTML. Hàm được thực thi khi phần tử trong form vừa bị mất lựa chọn (focus):

Ví dụ

$("input").blur(function(){  
     $(this).css("background-color", "#ffffff");  
});

#### **Phương thức on()**

Phương thức on() gắn một hoặc nhiều xử lý sự kiện cho các phần tử được chọn. Gắn một sự kiện nhấp chuột cho phần tử <p>:

Ví dụ

$("p").on("click", function(){  
     $(this).hide();  
});

Gắn nhiều xử lý sự kiện cho một phần tử thẻ <p>:

Ví dụ

$("p").on({  
     mouseenter: function(){  
         $(this).css("background-color", "lightgray");  
     },   
     mouseleave: function(){  
         $(this).css("background-color", "lightblue");  
     },   
     click: function(){  
         $(this).css("background-color", "yellow");  
     }   
});